| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN BẮC TỪ LIÊM**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **19**/*2022/DSST*
Ngày: 20 – 5 - 2022
V/v: Xác định bản di chúc hợp pháp, công nhận thừa kế tài sản theo di chúc và ghi nhận tặng cho tài sản.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thu Nga

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Phí Văn Chân
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Huyền

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Trần thị Thu Hằng, Thư ký Tòa án

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*** *quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên toà:* Bà Phong Thị Lan, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 55/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2021, về việc *"Xác định di chúc hợp pháp và công nhận thừa kế tài sản theo di chúc"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXX-ST ngày 13 tháng 4 năm 2022*;* Quyết định hoãn phiên tòa số 20 ngày 29/4/2022, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn**: Cụ **ĐÌNH THỊ L**, sinh năm: 1943

Nơi ĐKNKTT và ở: số nhà 4, ngõ 193/220/67, tổ 17 phường P, Bắc Từ Liêm, Hà Nội. (Vắng mặt tại phiên tòa)

***Bị đơn**: ông **TRẦN NGỌC V**, sinh năm: 1976

Nơi ĐKNKTT và ở: số nhà 4, ngõ 193/220/67, tổ 17 phường P, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội. (Có mặt tại phiên tòa)

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**:

1.Bà Trần Thị T, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Nhà số 7, ngõ 20/131, TDP Phúc Lý 3, phường M, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội. (Vắng mặt tại phiên tòa)

2.Bà Vũ Thị T, sinh năm 1977;

Nơi ĐKNKTT và ở: số nhà 4, ngõ 193/220/67, tổ 17 phường P, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội (Có mặt tại phiên tòa)

3.Ông Trần Quang T, sinh năm 1969;

Trú tại dân phố Viên 4, phường C, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội (Vắng mặt tại phiên tòa)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn trình bày:* Tôi và cụ Trần Ngọc T (sinh năm 1940 - mất năm 2019) là vợ chồng từ những năm 1964. Quá trình chung sống, vợ chồng tôi có mua được khối tài sản gồm 250m$^2$ đất ở tại số nhà 4, ngõ 193/220/67, tổ 17, phường P, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội thuộc thửa đất số 64 tờ bản đồ số 06, loại đất ở đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U722222 do UBND huyện Từ Liêm cấp ngày 15/7/2003; Thửa đất số 36 tờ bản đồ số 11 P, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội có diện tích 152m$^2$ đất ở có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 360349 do UBND huyện Từ Liêm cấp ngày 30/8/2005 đều mang tên vợ chồng tôi là Trần Ngọc T và Đinh Thị L và đất canh tác (gồm các thửa đất số 484, 50, 64, 298, 67, 315, 271, 370 (trong đó thửa số 50 và 64 đã được Nhà nước thu hồi đất bồi thường giải phóng mặt bằng năm 2008) có tổng diện tích đất 3.440m$^2$, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: S 742228 do UBND huyện Từ Liêm cấp ngày 28/12/2000 mang tên hộ gia đình bà Đinh Thị L. Vợ chồng tôi có 03 người con gồm: Trần Thị T, sinh năm 1969; anh Trần Ngọc V, sinh năm 1976 và chị Trần Thị N, sinh năm 1972. Năm 1999, chị N chết khi lấy chồng được 9 năm, không có con cái (nay chồng của N là anh T cũng đã lập gia đình mới).

Ngày 01/01/2000, vợ chồng tôi có nguyện vọng lập 01 bản di chúc có nội dung là khi chết giao tất cả thửa đất trên cho con trai chúng tôi là anh Trần Ngọc Vui toàn quyền quản lý định đoạt; 2 cô con gái là T và N cũng đã được cho tài sản làm vốn khi lấy chồng nên đều không thắc mắc.

Nay tôi cũng đã cao tuổi, sức khỏe không ổn định. Nguyện vọng của tôi là đề nghị Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm giải quyết:

- Xác nhận bản di chúc của cụ Trần Ngọc T lập ngày 01/01/2000 là hợp pháp và công nhận thừa kế tài sản theo di chúc.

- Phần tài sản của tôi, tôi tự nguyện giao tặng cho anh Trần Ngọc V quản lý sử dụng. Đề nghị Tòa án ghi nhận.

***Bị đơn anh Trần Ngọc V trình bày**: Tôi là con trai của bà Đinh Thị L và ông Trần Ngọc T và có vợ Vũ Thị T. Từ trước đến nay tôi vẫn sinh sống trên đất của bố mẹ tôi, chúng tôi ở cùng nhau và sống hòa thuận. Bố mẹ tôi có 3 thửa đất gồm: Diện tích 250m$^2$ đất ở tại số nhà 4, ngõ 193/220/67, tổ 17, phường P, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội thuộc thửa đất số 64 tờ bản đồ số 06, loại đất ở đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 722222 do UBND huyện Từ Liêm cấp ngày 15/7/2003; Diện tích 152m$^2$ đất ở thuộc thửa đất số 36 tờ bản đồ số 11 P, quận Bắc Từ Liêm thành phố Hà Nội; số cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 360349 do UBND huyện Từ Liêm cấp ngày 30/8/2005) mang tên cụ T, cụ

L; Diện tích 3.440m$^2$ đất canh tác (gồm các thửa đất số 484, 50, 64, 298, 67, 315, 271, 370, trong đó thửa số 50 và 64 đã được Nhà nước thu hồi đất bồi thường giải phóng mặt bằng năm 2008, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Số S 742228 do UBND huyện Từ Liêm cấp ngày 28/12/2000.

Vợ tôi là Vũ Thị T là công chức nhà nước. Năm 2008, vợ chồng tôi bỏ tiền ra xây dựng căn nhà 4,5 tầng trên thửa đất 250m$^2$ và hiện cả gia đình sinh hoạt cùng cụ L sinh hoạt trên đất. Còn thửa đất 152m$^2$ là năm 2010 vợ chồng tôi xây nhà 5 tầng cho thuê thu nhập bổ sung cho gia đình. Mẹ L vẫn trồng rau tại thửa đất ruộng, ngoài ra không có ai quản lý khác. Mẹ L khởi kiện chia tài sản theo di chúc của bố tôi là có cơ sở vì mẹ tôi tuổi cao rồi cần phải hoàn tất thủ tục sang tên cho người quản lý cụ thể nhưng vì bố tôi mất, thủ tục hành chính sang tên sổ đỏ không thuận nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho tôi. Phần nhà đất vợ chồng tôi xây dựng chúng tôi không yêu cầu tòa giải quyết.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

-Bà Vũ Thị T đồng ý với ý kiến của ông Trần Ngọc Vui và ủy quyền cho ông Vui tham gia tố tụng, không bổ sung thêm gì.

-Ông Trần Quang T trình bày: Tôi trước đây là chồng của bà Trần Thị N, chúng tôi lấy nhau được khoảng 9 năm thì bà N mất, chúng tôi không có đóng góp gì vào khối tài sản của cụ T và cụ L nên tôi từ chối nhận giá trị công sức cũng như nay tôi đã lấy vợ và có cuộc sống riêng nên không liên quan gì đến kỷ phần của bà N (nếu có). Tôi và bà N lấy nhau không có con chung. Tôi đã có quan điểm của mình nộp cho Tòa và từ chối tham gia tố tụng, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tôi.

-Bà Trần Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do. Chính quyền địa phương xác nhận bà Thanh có nhà ở và vẫn thường xuyên ăn ở sinh hoạt tại địa phương, không có thông tin bà T chuyển đi nơi khác.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 19/01/2022, Hội đồng định giá tài sản xác định giá trị quyền sử dụng đất:

-Thửa đất số 64 tờ bản đồ số 06, loại đất ở đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 722222 do UBND huyện Từ Liêm cấp ngày 15/7/2003: 30.000.000đ/m$^2$ x 250m$^2$ = 7.500.000.000đ

- Thửa đất số 36 tờ bản đồ số 11 tại P, đã được UBND huyện Từ Liêm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 360349 ngày 30/8/2005, giá trị quyền sử dụng đất là: 50.000.000đ/m$^2$ x 152m$^2$ (đất ở) = 7.600.000.000đ

- Các thửa đất canh tác, có trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số S 742228 do UBND huyện Từ Liêm cấp ngày 28/12/2000, Diện tích còn lại là 2443m$^2$ đất sản xuất nông nghiệp (gồm các thửa đất số 484, 298, 67, 315, 271, 370); giá trị quyền sử dụng đất là: 201.600đ/m$^2$ x 2443m$^2$ = 492.500.000đ

*Tại phiên tòa*: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt do tuổi cao, chân tay đau nhức đi lại gặp nhiều khó khăn và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đề nghị

Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi của cụ Trần Ngọc T, cụ L và bản thân; Đồng ý nhận phần tài sản của cụ Đình Thị L giao cho quản lý sử dụng. Bà T, ông T đều vắng mặt không có quan điểm nào khác. Các bên đương sự không bổ sung chứng cứ nào khác.

Viện kiểm sát phát biểu quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án: Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự tố tụng trong việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đối với người liên quan là bà Trần Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt tại tòa không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt bà T. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định của pháp luật, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**[1] Về tố tụng:** Nguyên đơn khởi kiện chia di sản thừa kế theo di chúc mà bị đơn đang quản lý có địa chỉ tại phường P, quận Bắc Từ Liêm thuộc đối tượng tranh chấp quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn do tuổi cao, đi lại gặp khó khăn nên có đơn xin vắng mặt; ông Trần Quang T có đơn từ chối quyền lợi và xin vắng mặt trong quá trình Tòa giải quyết vụ án; bà Trần Thị T đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt tại tòa không có lý do như vậy là bà T đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Tòa án đã làm thủ tục hoãn phiên tòa lần 1, phiên tòa lần thứ 2 họ vẫn vắng mặt nên căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt họ.

**[2] Về nội dung**

Cụ Trần Ngọc T và cụ Đình Thị L là vợ chồng, có 3 người con gồm chị Trần Thị T, sinh năm 1969; anh Trần Ngọc V, sinh năm 1976 và chị Trần Thị N, sinh năm 1972. Quá trình chung sống, cụ T và cụ L sở hữu, quản lý sử dụng 03 khối tài sản gồm:

-Thửa đất số 64 tờ bản đồ số 06, diện tích 250m2, loại đất ở đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U722222 do UBND huyện Từ Liêm cấp ngày 15/7/2003 mang tên cụ Trần Ngọc T và cụ Đình Thị L;

-Thửa đất số 36 tờ bản đồ số 11 Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm thành phố Hà Nội có diện tích 152m$^2$ đất ở có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 360349 do UBND huyện Từ Liêm cấp ngày 30/8/2005 mang tên cụ Trần Ngọc T và cụ Đình Thị L.

-Thửa đất đất canh tác (gồm các thửa đất số 484, 50, 64, 298, 67, 315, 271, 370, trong đó thửa số 50 và 64 đã được Nhà nước thu hồi đất bồi thường giải phóng mặt bằng năm 2008, tổng diện tích đất trước là 3440m$^2$ (hiện còn lại là 2.443m$^2$), có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Số S 742228 do UBND huyện Từ Liêm cấp ngày 28/12/2000 mang tên hộ gia đình cụ Đình Thị L.

Quá trình xác minh thu thập chứng cứ, chính quyền địa phương cung cấp thửa đất số 64 tờ bản đồ số 6 và thửa đất số 36 tờ bản đồ số 11 tại phường P, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp mang tên cụ Trần Ngọc T và cụ Đinh Thị L; Các thửa đất số 484, 298, 67, 315, 271, 370 tại P, quận Bắc từ liêm Hà Nội đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ gia đình bà Đinh Thị L. Hộ gia đình cụ Đinh Thị L tại thời điểm giao đất có các thành viên: Trần Ngọc T, Đinh Thị L và Trần Ngọc V. Như vậy là 2 khối tài sản (đất thổ cư thửa 64 tờ bản đồ số 6 và thửa số 36 tờ bản đồ số 11) là tài sản hợp pháp của cụ Trần Ngọc T và cụ Đinh Thị L. Những thửa đất canh tác có số sổ S 742228 do UBND huyện Từ Liêm cấp ngày 28/12/2000 là tài sản chung của cụ T, cụ L và anh V.

Ngày 06 tháng 5 năm 2019, cụ Trần Ngọc T chết – là thời điểm mở thừa kế. Tuy nhiên ngày 01/01/2000, cụ Trần Ngọc T và cụ Đinh Thị L có lập bản di chúc (văn bản viết tay), theo cụ L và anh V thì đây là văn bản ghi quan điểm cuối cùng của cụ T giải quyết tài sản trên.

**Xét "Bản di chúc" của cụ Đinh Thị L và cụ Trần Ngọc T lập ngày 01/01/2000:**

-Về hình thức: Di chúc bằng văn bản, viết tay có chữ ký của người để lại di chúc, có sự chứng kiến của con gái Trần Thị T và 2 người khác là anh Nguyễn Xuân H và anh Trần Quang T. Di chúc là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết; người lập di chúc lập bản di chúc trong trường hợp minh mẫn tỉnh táo, không bị lừa dối, cưỡng ép phù hợp với Điều 646, 647, 648 Bộ luật dân sự năm 2005. Đây là di chúc bằng văn bản có người làm chứng quy định tại Điều 650 khoản 2 Bộ luật dân sự 2005.

- Về nội dung di chúc do cụ Trần Ngọc T lập ngày 01/01/2000: Văn bản ghi rõ ngày tháng năm lập di chúc, họ tên của người lập di chúc, người được hưởng di sản; di sản để lại và nơi có di sản phù hợp với Điều 653 Bộ luật dân sự năm 2005.

Di chúc có 2 mục di sản gồm:

*"I. Đất ở:Mảnh thứ nhất diện tích là 250m$^2$ phía nam giáp nhà anh Đình Q, phía Bắc giáp nhà bà Đặng Thị H, phía đông giáp nhà ông Nguyễn Kim Y, phía tây giáp đường ngõ xóm tại xóm cây gạo thôn Phú Diễn, xã P, Từ Liêm Hà Nội do chúng tôi mua của anh Nguyễn Văn D. Mảnh thứ hai, diện tích là 144m$^2$ phía nam giáp đường ngõ trước nhà anh V, phía Đông giáp nhà anh Trọng T; phía Tây giáp nhà cô Bảo S tại xóm Đản thôn Phú Diễn, xã P được chuyển thành đất ở theo hai xuất năm phần trăm (5%) của hai vợ chồng tôi, các con không có xuất nào"….*

*II. Đất canh tác: Về phần đất canh tác do Hợp tác xã P giao khoán có diện tích là 3440m$^2$ ."*

Tại thời điểm viết di chúc (tháng 1/2000), những tài sản này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 15/7/2003, "mảnh thứ nhất" ghi trong di chúc được xác định là thửa đất số 64 tờ bản đồ số 6 có diện tích 250m$^2$ đất ở

lâu dài, được UBND huyện Từ Liêm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 722222, ngày 03.12.2013, đính chính nội dung mang tên ông Trần Ngọc T và bà Đinh Thị L và ngày 11/01/2016 thửa đất trên thuộc tổ dân phố 17 phường P, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội; *"Mảnh thứ hai"* của di chúc ngày 30/8/2005 được UBND huyện Từ Liêm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 360349, thuộc thửa đất số 36 tờ bản đồ số 11 thuộc thôn Phú Diễn, xã P, huyện Từ Liêm, ngày 02/12/2015 được đính chính địa chỉ thuộc tổ dân phố 16, phường P, quận Bắc Từ Liêm.

Những thửa "đất canh tác" được ghi trong di chúc thì ngày 28/12/2000 UBND huyện Từ Liêm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sản xuất nông nghiệp, diện tích 3440m$^2$, thời hạn sử dụng 20 năm kể từ ngày 28/12/2000, Số S 742228, gồm các thửa đất số 484, 50, 64, 298, 67, 315, 271, 370. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này, ngày 25/11/2010 Nhà nước thu hồi 997m$^2$ đất sản suất nông nghiệp của hộ gia đình cụ Đinh Thị L thuộc thửa 60 và thửa số 54 tờ bản đồ 17; thu hồi 75m$^2$ thuộc một phần thửa số 50 (1) tờ bản đồ 17 và 42m$^2$ thuộc một phần thửa đất số 370 tờ bản đồ số 15. Hiện hộ gia đình cụ L còn được sử dụng: 2443m$^2$ đất sản xuất nông nghiệp trong đó: 895m$^2$ đất thuộc thửa 484 tờ bản đồ số 15; 356m$^2$ đất thuộc thửa số 298 tờ bản đồ số 3; 526m$^2$ đất thuộc thửa 67 tờ bản đồ số 7; 240m$^2$ đất thuộc thửa số 315 tờ gản đồ số 7; 311m$^2$ đất thuộc thửa số 271 tờ bản đồ số 14; 115m$^2$ đất thuộc thửa số 370 tờ bản đồ số 15.

Tại Điều 656 Bộ luật dân sự 2005 quy định: Di chúc bằng văn bản có người làm chứng:*"Trong trường hợp người lập di chúc không thể tự mình viết bản di chúc thì có thể nhờ người khác viết nhưng phải có ít nhất là hai người làm chứng. Người lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt những người làm chứng, những người làm chứng xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và ký vào bản di chúc"*. Theo bản di chúc của cụ T và cụ L lập ngày 1/1/2000 thì ngoài các con của cụ T, cụ L chứng kiến còn có 02 người làm chứng là anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1977, ở tổ 17 phường P, quận Bắc Từ Liêm và anh Trần Quang T, sinh năm 1969, ở tổ 14 phường P, quận Bắc Từ Liêm.

Ý chí của người để lại di sản thể hiện trong bản di chúc: *"Chúng tôi có một con trai duy nhất là Trần Ngọc V, nay vợ chồng tôi lập di chúc này giao toàn bộ hai mảnh đất nêu trên và tài sản trên hai mảnh đất đó như nhà ở, bếp… cho con trai là Trần Ngọc V để sử dụng và để ở không được bán cho ai và sau này tiếp tục di chúc lại cho cháu của chúng tôi là con của Trần Ngọc V. Khi bố mẹ ốm đau hoặc cần đến tiền, bố hoặc mẹ có quyền bán để chi tiêu.*

*+ Con gái là Trần Thị T khi đi lấy chồng, chúng tôi cho một xe đạp phượng hoàng, một chỉ vàng, một tạ thóc. Khi mua đất xây nhà (700.000) đồng chúng tôi cho 150.000 đ và toàn bộ vôi cát xây nhà ở. Khi con gái Trần Thị T làm nhà mái bằng chúng tôi cho tiếp 1.000.000 đồng nữa. Các khoản vay của nhiều người ở thôn Phú Diễn như của ông Trần C, ông Phí D chúng tôi đều trả hộ các khoản do T vay của bố mẹ đều cho hết vào năm 2000.*

*+ Con gái là Trần Thị N khi đi lấy chồng chúng tôi cho một xe đạp phượng hoàng, một chỉ vàng, một máy khâu, một tạ thóc.*

*+ Do chúng tôi đã cho con gái là Trần Thị T và Trần Thị N tài sản như trên mang về nhà chồng làm vốn nên không có quyền đòi phần đất ở (gồm 2 mảnh đã nêu trên ở phần I) của con trai trưởng Trần Ngọc V….*

*Kết luận vợ chồng chúng tôi lập bản di chúc này nhất trí giao lại hai mảnh đất ở 250m$^2$ tại xóm cây gạo và 144m$^2$ tại xóm Đản và 3440m$^2$ đất canh tác cho con trai là Trần Ngọc V sử dụng trông nom các con gái là Trần Thị T Trần Thị N không có quyền kiện, tranh chấp hoặc đòi hỏi hai mảnh đất và 3440m2 đất này.*

*Người lập di chúc vào ngày 1-1-2000 là Trần Ngọc T được sự đồng ý nhất trí của bà Đinh Thị L. Chữ ký của bố (ký và viết Trần Ngọc T) chữ ký của mẹ (ký và viết Đinh Thị L, tôi nhất trí lập di chúc này); chữ ký và chữ viết của chị Trần Thị T: tôi đồng ý với di chúc của bộ mẹ lập ); chữ ký và chữ viết của Người làm chứng Nguyễn Xuân H và Trần Quang T".*

Như vậy, về mặt nội dung và hình thức của bản di chúc không trái quy định của pháp luật, đạo đức xã hội, phù hợp với Điều 652 Bộ luật dân sự 2005. Người để lại di sản có quyền trong khối tài sản trên đối với phần của họ bởi cụ Đinh Thị L vẫn còn sống (chưa mở thừa kế). Tại thời điểm hiện tại, thửa đất trên không có tranh chấp về đồng sở hữu sử dụng và hàng thừa kế thứ 1 của cụ T cũng không có thắc mắc hay khiếu kiện gì; bà Trần Thị T mặc dù không có mặt để giải quyết tại Tòa án nhưng chị cũng đã nêu quan điểm ở trong bản di chúc là "*tôi đồng ý với di chúc của bộ mẹ lập"* mà con gái của bà T (chị T) cũng thừa nhận người ký và viết "Trần Thị T" trong bản di chúc lập ngày 1-1-2000 là chữ ký và chữ viết của bà Trần Thị T. Do đó bản di chúc chỉ có giá trị đối với phần của cụ Trần Ngọc T trong khối tài sản chung với cụ Đinh Thị L và anh Trần Ngọc V.

Do vậy có đủ cơ sở xác định di chúc của cụ Trần Ngọc T lập ngày 01-01-2000 là hợp pháp một phần. Cụ thể di sản của cụ Trần Ngọc T là ½ giá trị của khối tài sản là đất ở tại Thửa đất số 64 tờ bản đồ số 06, diện tích 250m$^2$, loại đất ở đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 722222 do UBND huyện Từ Liêm cấp ngày 15/7/2003 mang tên cụ Trần Ngọc T và cụ Đinh Thị L (tương đương 3.750.000.000đ) và Thửa đất số 36 tờ bản đồ số 11 P, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội có diện tích 152m$^2$ đất ở có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 360349 do UBND huyện Từ Liêm cấp ngày 30/8/2005 mang tên Trần Ngọc T và Đinh Thị L (tương đương 3.800.000.000đ); Và 1/3 giá trị các thửa đất canh tác/đất canh tác đã có giấy chứng nhận Số S742228 do UBND huyện Từ Liêm cấp ngày 28/12/2000 (tương đương 164.169.000đ). Di sản trên được chuyển giao cho ông Trần Ngọc V quản lý sử dụng theo ý chí của cụ T trước khi mất, phù hợp với nội dung bản di chúc của cụ T lập ngày 1/1/2000 và không trái với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Cụ Đinh Thị L được sở hữu, sử dụng ½ giá trị quyền sử dụng đất của Thửa đất số 64 tờ bản đồ số 06, diện tích 250m$^2$, loại đất ở đã được cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số U 722222 do UBND huyện Từ Liêm cấp ngày 15/7/2003 mang tên cụ Trần Ngọc T và cụ Đinh Thị L và Thửa đất số 36 tờ bản đồ số 11 P, quận Bắc Từ Liêm thành phố Hà Nội có diện tích 152m$^2$ đất ở có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 360349 do UBND huyện Từ Liêm cấp ngày 30/8/2005 mang tên Trần Ngọc T và Đinh Thị L. Và được sở hữu 1/3 giá trị quyền sử dụng đất canh tác/đất canh tác đã có giấy chứng nhận Số S 742228 do UBND huyện Từ Liêm cấp ngày 28/12/2000. Đây là quyền sở hữu hợp pháp của cụ Đinh Thị L đối với 3 khối tài sản trên quy định tại Điều 105 Bộ luật dân sự năm 2015. Do tuổi cao, cụ L có đề nghị được trao tặng khối tài sản trên cho ông Trần Ngọc V (con trai của cụ) quản lý sử dụng, ông V cũng đồng ý. Xét việc tặng cho tài sản là tự nguyện, không bị ép buộc và phù hợp với Điều 457 Bộ luật dân sự năm 2015, cụ thể: *"Điều 457. Hợp đồng tặng cho tài sản*: *Hợp đồng tặng cho tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên tặng cho giao tài sản của mình và chuyển quyền sở hữu cho bên được tặng cho mà không yêu cầu đền bù, bên được tặng cho đồng ý nhận"*. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của cụ Đinh Thị L.

*Về án phí:* Cụ Đinh Thị L là người cao tuổi, căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án án phí và lệ phí Tòa án cụ L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trần Ngọc V được ghi nhận tặng cho di sản theo di chúc của cụ Trần Ngọc T phải chịu án phí loại không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 652, 653, 646, 647, 649, 654, 656 Bộ luật dân sự 2005; Điều 457 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26, 27 Luật án phí lệ phí Tòa án; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn**

1. Công nhận di chúc của cụ Trần Ngọc T và cụ Đinh Thị L lập ngày 01-01-2000 là hợp pháp phần của cụ Trần Ngọc T. Cụ thể: Di sản của cụ Trần Ngọc T là ½ giá trị quyền sử dụng đất ở của Thửa đất số 64 tờ bản đồ số 06, diện tích 250m$^2$, loại đất ở, tại P, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 722222 do UBND huyện Từ Liêm cấp ngày 15/7/2003 mang tên cụ Trần Ngọc T và cụ Đinh Thị L và ½ giá trị quyền sử dụng đất ở Thửa đất số 36 tờ bản đồ số 11 P, quận Bắc Từ Liêm thành phố Hà Nội có diện tích 152m$^2$ ,đất ở, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 360349 do UBND huyện Từ Liêm cấp ngày 30/8/2005 mang tên Trần Ngọc T và Đinh Thị L; Và 1/3 giá trị các thửa đất canh tác/đất canh tác đã có giấy chứng

nhận Số S742228 do UBND huyện Từ Liêm cấp ngày 28/12/2000. Xác nhận ông Trần Ngọc V được toàn quyền quản lý sử dụng khối di sản của cụ Trần Ngọc T để lại theo di chúc ngày 01/01/2000.

2. Xác nhận phần tài sản của cụ Đình Thị L là ½ giá trị quyền sử dụng đất ở của Thửa đất số 64 tờ bản đồ số 06, diện tích 250m2, loại đất ở tại P, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 722222 do UBND huyện Từ Liêm cấp ngày 15/7/2003 mang tên cụ Trần Ngọc T và cụ Đình Thị L và ½ giá trị quyền sử dụng đất ở Thửa đất số 36 tờ bản đồ số 11 P, quận Bắc Từ Liêm thành phố Hà Nội có diện tích 152m$^2$ đất ở có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 360349 do UBND huyện Từ Liêm cấp ngày 30/8/2005 mang tên Trần Ngọc T và Đình Thị L; Và 1/3 giá trị các thửa đất canh tác /đất canh tác đã có giấy chứng nhận Số S742228 do UBND huyện Từ Liêm cấp ngày 28/12/2000. Ghi nhận sự tự nguyện của cụ Đình Thị L tặng cho toàn bộ phần tài sản trên cho ông Trần Ngọc V quản lý sử dụng.

3. Ông Trần Ngọc V phải thực hiện nghĩa vụ đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với các thửa đất trên theo quy định của pháp luật quy định tại Điều 95 Luật đất đai 2013.

4.Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông V phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận được kết quả xét xử.

***Nơi nhận:***
*-Các đương sự;*
*-VKSND cùng cấp;*
*-TANDTP Hà Nội*
*-Chi cục THA quận Bắc Từ Liêm.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*Nguyễn Thị Thu Nga*